

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Sơn An Hương Sơn tại Văn bản số 33/2026/CV-SAHS 25/5/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7555/TTr-SNN&MT ngày 01 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sơn An Hương Sơn, địa chỉ: tầng 1, Chung cư Sơn An, 77/2 đường Đồng Khởi, khu phố 35, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu nhà ở xã hội đường Nguyễn Trãi nối dài có địa chỉ: phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Khu nhà ở xã hội đường Nguyễn Trãi nối dài.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3001648913, đăng ký lần đầu ngày 21/08/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 20/8/2025; Quyết định số 1817/QĐ-UBND, cấp lần đầu ngày 05/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giao Công ty Cổ phần Sơn An Hương Sơn làm chủ đầu tư Khu nhà ở xã hội đường Nguyễn Trãi nối dài.

1.4. Mã số thuế: 3001648913.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: xây dựng nhà ở với mã 41010 theo phân ngành kinh tế Việt Nam tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích thửa đất sử dụng: 7.221,6 m². Trong đó diện tích đất thực hiện dự án là 6.960 m². Dự án có 02 khu: Khu S1, diện tích 4.392,2 m²; Khu S2, diện tích 2.567,8 m² (đã trừ diện tích đất hành lang bảo vệ kênh là 261,6 m²).

- Nhóm dự án: dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Sản phẩm dịch vụ cung cấp: 276 căn hộ chung cư nhà ở xã hội và khoảng 3.006,9 m² diện tích sàn dịch vụ thương mại.

- Quy mô dân số dự kiến: 1.104 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sơn An Hương Sơn

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sơn An Hương Sơn:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường

này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng 6 năm 2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *mmr*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Sơn Qui;
- Công ty Cổ phần Sơn An Hương Sơn;
- VPUB; CVP, các PCVP;
- TT Tin học & Công báo (đăng Cổng Thông tin);
- Lưu: VT, GVi.

5

KT. CHỦ TỊCH *mmr*
PHÓ CHỦ TỊCH

Thanh Diệu
Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 173/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại Khu S1 có lưu lượng 124,8 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 2: nước thải từ các hoạt động của khu thương mại, dịch vụ Khu S1 có lưu lượng 15 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 3: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại khu thương mại, dịch vụ Khu S1 có lưu lượng 2,5 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 4: nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại Khu S2 có lưu lượng 96 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 5: nước thải từ các hoạt động của khu thương mại, dịch vụ Khu S2 có lưu lượng 15 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 6: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại khu thương mại, dịch vụ Khu S2 có lưu lượng 2,5 m³/ngày đêm.

Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất: 255,8 m³/ngày

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Kênh Rạch Tre đoạn thuộc phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp.
- Hệ thống cống thoát nước bằng BTCT Ø1500 đầu nối giữa kênh Bến Xe và kênh Rạch Tre để thoát nước từ kênh Bến Xe vào kênh Rạch Tre, thuộc phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí số 01 tại Khu S1: kênh Rạch Tre đoạn thuộc phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp với tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X = 1147597, Y = 683131.
- Vị trí số 02 tại Khu S2: hệ thống cống thoát nước bằng BTCT Ø1500 đầu nối giữa kênh Bến Xe và kênh Rạch Tre để thoát nước từ kênh Bến Xe vào kênh Rạch Tre, thuộc phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp với tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X = 1147492; Y = 683329.

(đã được Ủy ban nhân dân phường Sơn Qui chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng tại Công văn số 2501/UBND ngày 22/5/2026, phần V mục 10. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải)

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 270 m³/ngày đêm tương đương 11,25 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: xả bằng hình thức tự chảy.

2.5. Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột A, bảng 1 với $F \leq 2000$ m³/ngày (riêng đối với thông số ô nhiễm Chloroform và Clo, được quy định tại mục 4.3.2), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	01 lần/năm	Không có
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 ⁰ C)	mg/L	≤ 30	01 lần/năm	Không có
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 80	01 lần/năm	Không có
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 50	01 lần/năm	Không có
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤ 4,0	01 lần/năm	Không có
6	Tổng Nitơ (T - N)	mg/L	≤ 25	01 lần/năm	Không có
7	Tổng Phốt pho (T - P)	mg/L	≤ 4	01 lần/năm	Không có
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	≤ 10	01 lần/năm	Không có
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 3,0	01 lần/năm	Không có
10	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	≤ 0,2	01 lần/năm	Không có
11	Tổng Coliform	MPN/100mL hoặc CFU/100ml	≤ 3.000	01 lần/năm	Không có
12	Lưu lượng	m ³ /giờ	≤ 11,25	01 lần/năm	Không có
13	Chloroform	mg/L	≤ 0,3	01 lần/năm	Không có
14	Clo	mg/L	≤ 1	01 lần/năm	Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 1: nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại Khu S1 → hệ thống thu gom → xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 2: nước thải từ các hoạt động của khu thương mại, dịch vụ Khu S1 → hệ thống thu gom → xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 3: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại khu thương mại, dịch vụ Khu S1 → hệ thống thu gom → xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 4: nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại Khu S2 → hệ thống thu gom → xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 5: nước thải từ các hoạt động của khu thương mại, dịch vụ Khu S2 → hệ thống thu gom → xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 6: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc tại khu thương mại, dịch vụ Khu S2 → hệ thống thu gom → xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải: bể tự hoại 03 ngăn.

+ Quy mô, công suất:

Xây dựng 02 bể tự hoại tại khu S1, tổng thể tích V= 195 m³ (bể tự hoại 1: 115 m³; bể tự hoại 2: 80 m³).

Xây dựng 02 bể tự hoại tại khu S2, tổng thể tích V= 120 m³ (bể tự hoại 1: 60 m³; bể tự hoại 2: 60 m³).

+ Công nghệ: bể tự hoại 03 ngăn xử lý theo phương pháp sinh học kỵ khí lần lượt qua ngăn lắng và lên men cặn lắng → ngăn lọc → ngăn chứa sau xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm tại Khu S1:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → song chắn rác → bể tiếp nhận kiêm tách dầu mỡ → tách rác tinh → bể điều hòa → bể anoxic → bể Aerotank - MBR → bể khử trùng → hồ ga → nguồn tiếp nhận (vị trí số 01 tại Khu S1: kênh Rạch Tre đoạn thuộc phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước Javen.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm tại Khu S2:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → song chắn rác → bể tiếp nhận kiêm tách dầu mỡ → tách rác tinh → bể điều hòa → bể anoxic → bể Aerotank - MBR → bể khử trùng → hồ ga → nguồn tiếp nhận (vị trí số 02 tại Khu S2: hệ thống cống thoát nước bằng BTCT Ø1500 đầu nối giữa kênh Bến Xe và kênh Rạch Tre nhằm thoát nước từ kênh Bến Xe vào kênh Rạch Tre, thuộc phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 28 Nghị định số 48/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế, đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường, đáp ứng các yêu cầu của QCVN 01:2021/BXD của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng.

- Giám sát chất lượng nước thải định kỳ để phát hiện sớm các vấn đề về chất lượng nước thải và kịp thời xử lý để tránh các sự cố xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các bể tự hoại, cụm bể xử lý.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

+ Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

+ Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 10/2028 đến tháng 12/2028.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm

a) Vị trí lấy mẫu: nước thải đầu vào; mẫu nước thải đầu ra theo vị trí xả nước thải được cấp phép tại phần A phụ lục này.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6 phần A phụ lục này.

2.3 Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2205 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 173/GPMT-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: hoạt động của máy phát điện dự phòng Khu S1;
- Nguồn số 2: hoạt động của máy phát điện dự phòng Khu S2;
- Nguồn số 3: hoạt động của máy móc, thiết bị từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 4: hoạt động của máy móc, thiết bị từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau

2.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn như sau:

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	55	50	45	-	Khu vực B

2.2. Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	65	60	-	Khu vực B

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch bảo trì toàn bộ máy móc, thiết bị để luôn hoạt động ở tình trạng tốt, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây ra. Thay mới máy móc, thiết bị khi xuống cấp, không còn đảm bảo yêu cầu.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung

- Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.

- Bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi xe cơ giới từ 22h đêm ngày hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 173/GPMT-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	300
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	150
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện, có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	Rắn	16 01 13	50
Tổng				550

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	2.850
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	4.275
3	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	2.850
4	Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại	12 06 13	1.874
5	Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	22.765
6	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo)	08 02 08	30
Tổng			34.644

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 1.980 kg/ngày.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Stt	Thành phần	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1.	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	10
2.	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	30
Tổng			40

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng phuy chứa có nắp đậy kín, dán nhãn mác mã số chất thải nguy hại và chất thải nguy hại phải kiểm soát để thu gom về khu lưu chứa chất thải nguy hại đặt gần Trạm xử lý nước thải của dự án

- Khu vực lưu chứa: diện tích 15 m².

+ Khu vực lưu chứa: nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và có dán tên và mã số chất thải nguy hại, có gắn biển dấu hiệu cảnh báo và bố trí thiết bị PCCC. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Chuyển giao xử lý: Công ty sẽ hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất chuyển giao tối thiểu: 01 lần/năm.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: sử dụng bao PE/PP, thùng chứa bằng nhựa, kim loại hoặc thùng gỗ và các thiết bị lưu chứa khác đáp ứng yêu cầu quy định.

- Kho lưu chứa:

+ Được lưu chứa vào kho có diện tích 15 m². Thiết kế, cấu tạo kho: nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có thiết bị chữa cháy, có biển cảnh báo và bảng tên ghi rõ khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường. Bán phế liệu đối với chất thải có thể tái chế, tái sử dụng và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định đối với chất thải không tái chế, không tái sử dụng: tần suất chuyển giao 03 tháng/lần.

+ Bùn từ bể tự hoại: lưu chứa trong 04 bể tự hoại có tổng thể tích 315 m³. Khi bể đầy, chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: lưu chứa tại bể chứa bùn (thể tích 28,53 m³) của hệ thống xử lý. Định kỳ 2-3 tháng, thuê đơn vị có chức năng đến hút, thu gom và xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Phòng chứa rác tại các tầng: bố trí 03 thùng rác để thu gom và phân loại rác tại nguồn

+ Phòng chứa rác tại tầng hầm: bố trí 30 thùng rác để thu gom rác đã phân loại từ các tầng.

- Khu vực lưu chứa: các tầng của tòa nhà được bố trí 01 phòng thu gom rác thải 15 m² được ngăn cách riêng biệt với sảnh tầng của căn hộ và được trang bị thang máy chuyên dụng cho việc thu gom rác xuống tầng hầm chứa rác có diện tích 20 m².

- Kết cấu phòng chứa rác: có cửa ngăn cháy, có phòng đệm, có hệ thống thông gió, có hệ thống báo cháy chữa cháy tự động đảm bảo theo quy định, lát gạch ceramic nền và ốp tường, có vòi rửa riêng.

- Phương thức xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đến thu gom, xử lý toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt phát sinh với tần suất 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH-15 ngày 11 tháng 12 năm 2025.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 173/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, đất đai, công thương, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.